

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2014/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 21 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 1220/SNV-XDCQ ngày 16/7/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố:

1. Đối với cấp xã

a) Mỗi xã, phường, thị trấn bố trí các chức danh hoạt động không chuyên trách, số lượng và mức phụ cấp cho từng chức danh như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức phụ cấp
01	Chủ nhiệm UBKT hoặc cấp ủy viên phụ trách công tác kiểm tra	1	1,0
02	Cấp ủy viên phụ trách tuyên giáo	1	1,0
03	Cấp ủy viên phụ trách tổ chức	1	1,0
04	Cấp ủy viên phụ trách dân vận	1	1,0
05	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1	1,0
06	Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã	1	1,0
07	Phó Trưởng Công an	1	1,0
08	Văn phòng Đảng ủy	1	1,0
09	Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ	1	1,0
10	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên	1	0,9
11	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	0,9
12	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1	0,9
13	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	0,9
14	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1	0,9
15	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1	0,9
16	Trưởng ban Thú y	1	0,8
17	Thú y viên	2	0,4
18	Dự phòng	1	0,8

Ngoài ra:

- Đối với phường, thị trấn thì bố trí thêm chức danh:

+ Trưởng ban bảo vệ dân phố, mức phụ cấp là 0,5

+ Phó ban bảo vệ dân phố, mức phụ cấp là 0,4

- Đối với xã, phường, thị trấn trọng điểm về an ninh - quốc phòng thì bố trí thêm 01 Phó chỉ huy Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, mức phụ cấp là 1,0.

- Đối với cấp xã loại 1, loại 2, xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự thì bố trí thêm 01 Phó Trưởng Công an, mức phụ cấp là 1,0.

- Đối với xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự thì bố trí thêm 01 Công an viên thường trực tại xã với mức phụ cấp là 0,9.

b) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế mức 3 % đối với các chức danh nêu trên.

2. Đối với thôn, tổ dân phố:

a) Mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí các chức danh và mức phụ cấp cho từng chức danh như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức phụ cấp
01	Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố	1	0,9
02	Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố	1	0,9
03	Công an viên	1	0,8
04	Thôn đội trưởng	1	0,5
05	Nhân viên y tế thôn, làng, tổ dân phố:	1	
	- Nhân viên công tác tại những thôn, làng thuộc ở các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành.		0,5
	- Nhân viên công tác tại các thôn, làng thuộc các xã còn lại		0,3
	- Nhân viên công tác tại các tổ dân phố		0,2
06	Bảo vệ dân phố ở tổ dân phố thuộc phường, thị trấn:		
	- Tổ trưởng	1	0,4
	- Tổ phó	1	0,3
	- Tổ viên	3	0,2

b) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế mức 3 % đối với các chức danh nêu trên.

3. Các chức danh không chuyên trách nêu trên, nếu chức danh nào không có người đảm nhiệm thì bố trí kiêm nhiệm và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm như sau:

a) Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thì được hưởng 20% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Nếu kiêm nhiệm nhiều chức danh thì được hưởng 20% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất.

b) Trường hợp chức danh không chuyên trách kiêm nhiệm thì được hưởng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Nếu kiêm nhiệm nhiều chức danh thì được hưởng 50% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất.

Điều 2. Khoán và hỗ trợ kinh phí:

1. Hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã là 1.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm (Ngoài ngân sách phân bổ hàng năm).

2. Khoán kinh phí hỗ trợ hoạt động cho mỗi thôn, tổ dân phố là 18.000.000 đồng/thôn, tổ dân phố/năm. Việc chi hỗ trợ kinh phí cho các chức danh ở thôn, tổ dân phố trong phạm vi mức khoán tại Điều này (không bao gồm các chức danh:

Bí thư chi bộ, thôn trưởng/tổ trưởng dân phố, công an viên, thôn đội trưởng, lực lượng bảo vệ dân phố, nhân viên y tế thôn, làng, tổ dân phố) do Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ:

1. Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 27/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

2. Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về hỗ trợ kinh phí đối với các chức danh ở thôn, tổ dân phố.

3. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Trưởng ban Thú ý và Thú y viên được quy định tại Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 01/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Phương án hỗ trợ mạng lưới thú y viên cơ sở tỉnh Kon Tum.

4. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Ban bảo vệ dân phố được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND ngày 07/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về chế độ phụ cấp, trang phục, công cụ hỗ trợ cho lực lượng Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

5. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Nhân viên y tế công tác tại thôn, làng được quy định tại tiết a điểm 3.3 Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Phương án thực hiện chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, làng tỉnh Kon Tum và Nhân viên y tế công tác tại các tổ dân phố được quy định tại điểm 4.1 Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 09/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2025.

6. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Phó Trưởng Công an xã tại các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, xã loại 1, xã loại 2 và Công an viên thường trực các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự được quy định tại Điều 1 Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc bổ sung số lượng Công an xã tỉnh Kon Tum.

7. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã và Thôn đội trưởng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 4. Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng